

Số: 11/2020/QĐST-DS

Ứng Hòa, ngày 10 tháng 6 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 31/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Nguyễn Dương Đ** - sinh năm 1977

Nơi ĐK KHTT và nơi ở: thôn BX, xã HĐ, huyện DT, tỉnh Hà Nam

Đại diện theo ủy quyền: Ông Sầm Văn Tr – SN: 1996

Địa chỉ: Phường DV, quận CG, TP. Hà Nội

Bị đơn: **Ông Đỗ Văn H** - sinh năm 1965

Bà Dương Thị T - sinh năm 1965

Đều có HKTT và nơi ở: thôn NT, xã ĐL, huyện UH, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H1** – SN: 1980

Nơi ĐKNKTT và nơi ở: thôn BX, HĐ, huyện DT, tỉnh Hà Nam.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Ông Đỗ Văn H và bà Dương Thị T xác nhận nợ cụ thể như sau: ông H và bà T phải thanh toán trả ông Nguyễn Dương Đ số tiền nợ là 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng);

- Ông H và bà T có nghĩa vụ thanh toán trả ông Nguyễn Dương Đ thành 04 đợt cụ thể :

+ Đợt 1: Chậm nhất ngày 25/6/2020 vợ chồng ông H, bà T có trách nhiệm thanh toán trả ông Đ số tiền là 40.000.000 đồng

+ Đợt 2: chậm nhất ngày 25/9/2020 vợ chồng ông H, bà T có trách nhiệm thanh toán trả ông Đ số tiền là 40.000.000 đồng

+ Đợt 3: chậm nhất ngày 25/12/2020 vợ chồng ông H, bà T có trách nhiệm thanh toán trả ông Đ số tiền là 40.000.000 đồng

+ Đợt 4: chậm nhất ngày 25/3/2021 vợ chồng ông H, bà T có trách nhiệm tất toán trả ông Đ nốt số tiền là 40.000.000 đồng

- Về lãi suất: Ông Đ miễn tiền lãi và không yêu cầu ông H, bà T phải trả lãi.

- Trường hợp ông H, bà T vi phạm bất kỳ đợt thanh toán nào nêu trên thì ông Đ có quyền nộp đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thi hành Quyết định theo quy định của pháp luật để thu hồi khoản nợ nêu trên.

Kể từ ngày ông Đ nộp đơn yêu cầu thi hành án mà ông H, bà T không thanh toán trả ông Đ số tiền trên thì hàng tháng ông H, bà T còn phải trả ông Đ số tiền lãi đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

- Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 13; Điều 14; Điều 15; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận việc nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận và thống nhất mỗi bên chịu 1/2 án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là **2,000,000 đồng** (Hai triệu đồng). Ông Nguyễn Dương Đ phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông Nguyễn Dương Đ đã nộp là 4.000.000 đồng. Hoàn trả ông Nguyễn Dương Đ số tiền còn lại là 2,000,000 đồng (Hai triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009599 ngày 27/4/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Ứng Hòa.

Bị đơn – ông Đỗ Văn H và bà Dương Thị T có đơn xin giảm tiền án phí do hoàn cảnh kinh tế gặp khó khăn được Tòa án chấp nhận. Giảm 50% số tiền án phí đối với phần án phí của ông H, bà T phải chịu là **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng). Ông H, bà T còn phải nộp số tiền án phí còn lại là **1.000.000 đồng** (Một triệu đồng).

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Ứng Hòa;
- Chi cục THADS huyện Ứng Hòa;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Bích Hằng